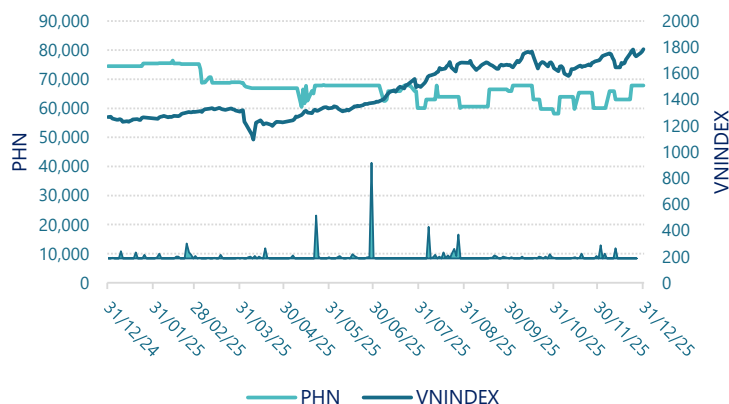




CTCP Pin Hà Nội (HNX: PHN)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	70,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	76,421
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	58,154
SL cổ phiếu LH	7,253,911
KLGD BQ 20 phiên (CP)	145
% sở hữu nước ngoài	49.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	508
P/E	14.5
EPS	4,838

DT thuần

Q4/25

104

tỷ VNĐ

QoQ: ▼10.0| -9.1%

YoY: ▼2.00| -2.3%

LN sau thuế

Q4/25

5.53

tỷ VNĐ

QoQ: ▼4.25| -43.5%

YoY: ▼3.58| -39.3%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

10.8%

+/- YoY: ▼ 5.5%

DT thuần

2025

415

tỷ VNĐ

YoY: ▼33.0| -7.4%

LN sau thuế

2025

35.1

tỷ VNĐ

YoY: ▼23.2| -39.8%

ROE

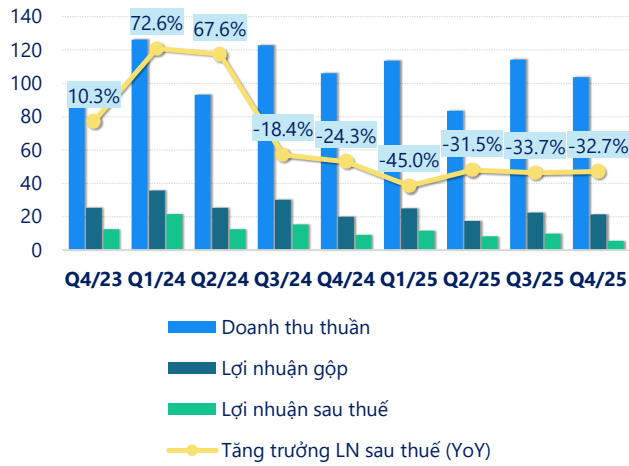
2025

22.6%

+/- YoY: ▼ 16.3%

tỷ VNĐ

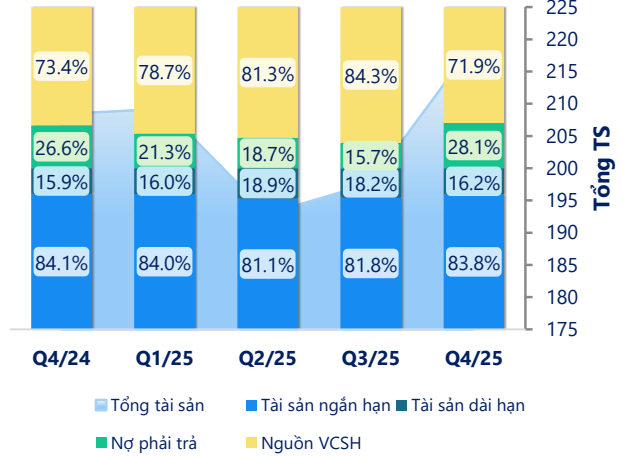
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

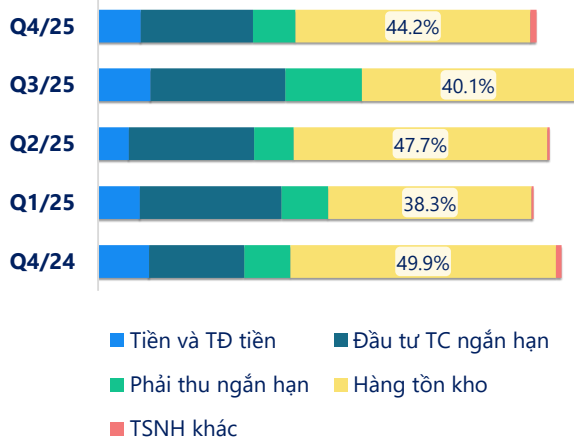
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



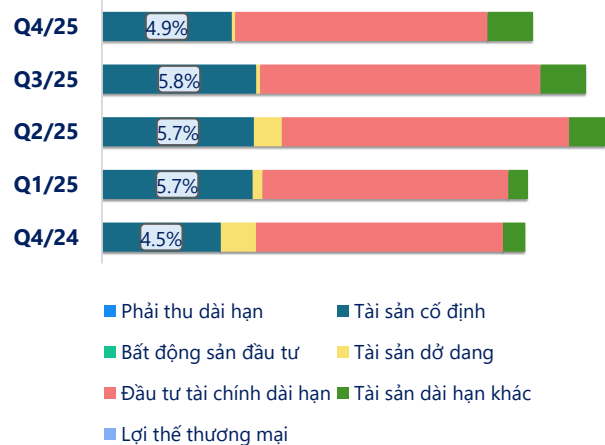
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

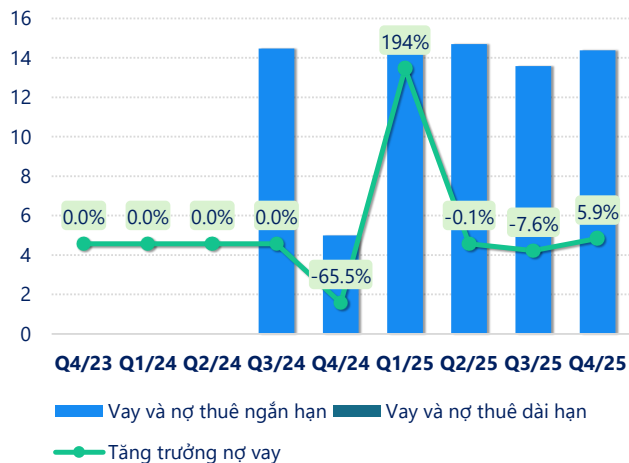
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

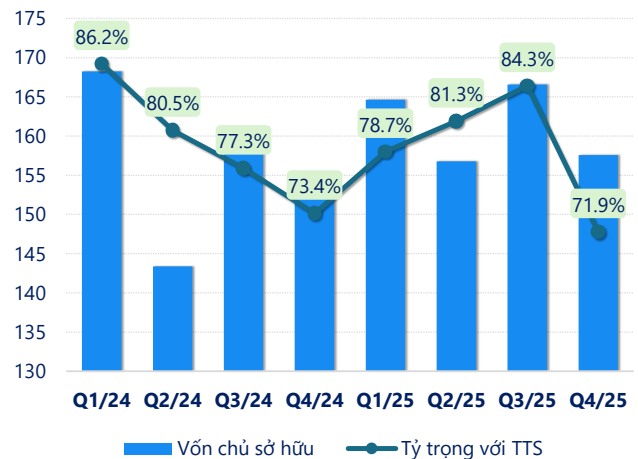
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

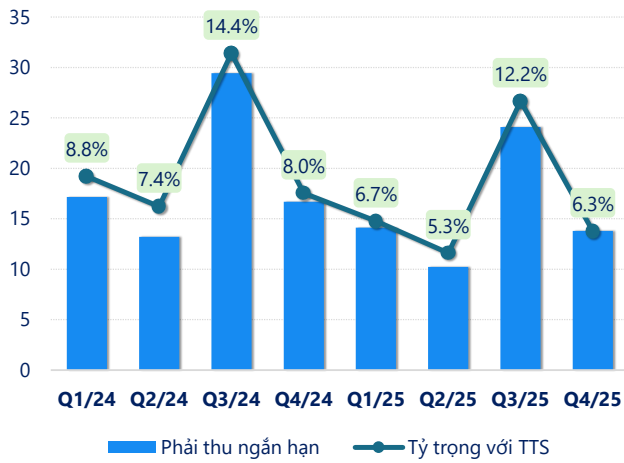
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



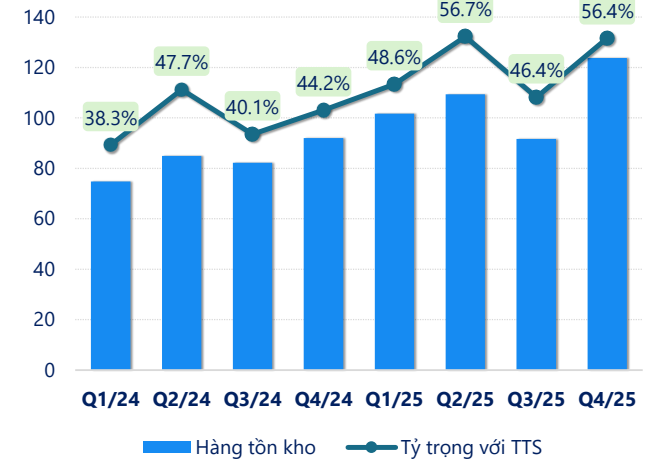
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


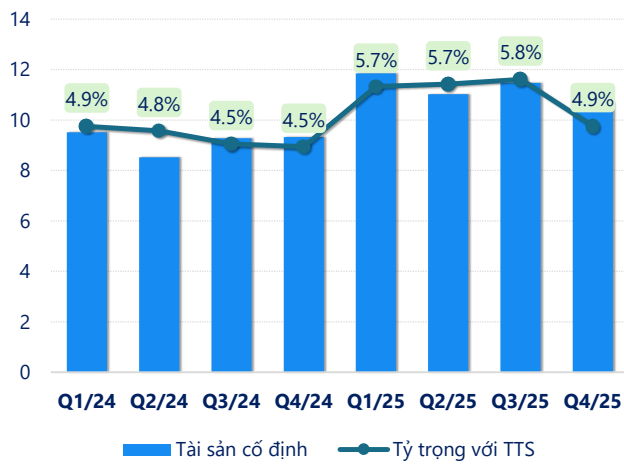
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


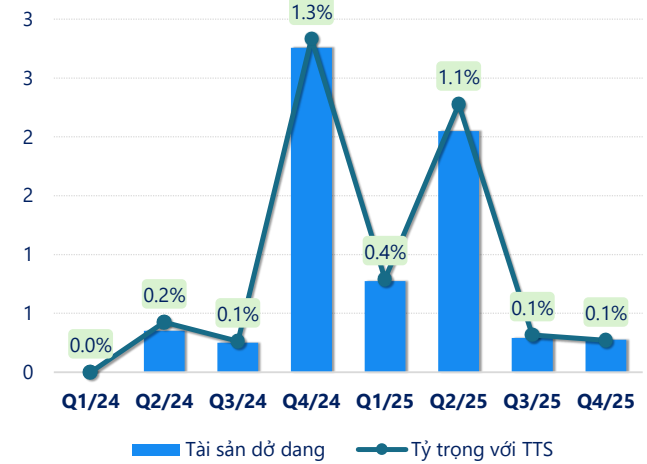
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

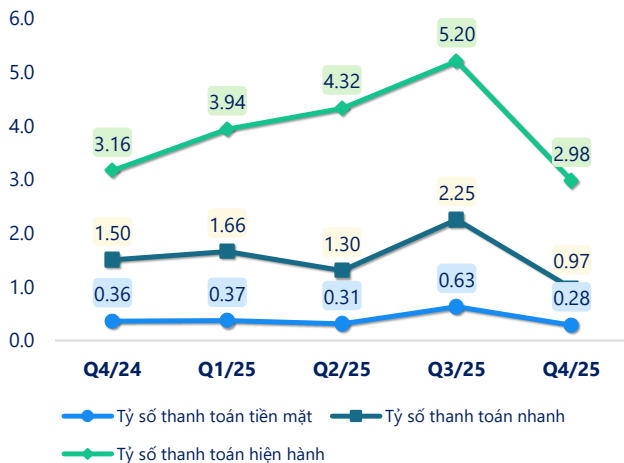
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

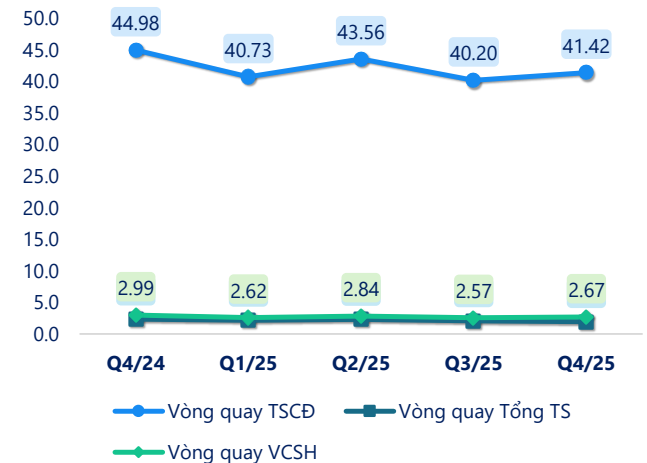
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	208	209	193	198	219
Tài sản ngắn hạn	175	176	156	162	184
Tiền và tương đương tiền	20.0	16.5	11.2	19.5	17.6
Đầu tư tài chính ngắn hạn	44.0	41.4	23.4	25.8	26.8
Phải thu ngắn hạn	16.7	14.1	10.2	24.1	13.8
Hàng tồn kho	92.1	102	109	91.7	124
Tài sản ngắn hạn khác	2.40	2.03	2.26	0.55	1.88
Tài sản dài hạn	33.2	33.5	36.5	36.0	35.6
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	9.32	11.9	11.0	11.5	10.7
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	2.76	0.77	2.05	0.29	0.28
Đầu tư tài chính dài hạn	19.4	19.4	20.8	20.8	20.8
Tài sản dài hạn khác	1.75	1.55	2.63	3.40	3.76
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	55.4	44.6	36.2	31.1	61.7
Nợ ngắn hạn	55.4	44.6	36.2	31.1	61.7
Vay và nợ thuê ngắn hạn	4.99	14.7	14.7	13.6	14.4
Phải trả người bán ngắn hạn	13.5	14.4	5.61	2.27	14.2
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	153	165	157	167	158
Vốn chủ sở hữu	153	165	157	167	158
Vốn điều lệ	72.5	72.5	72.5	72.5	72.5
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)